TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **849/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2019.
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Văn Tuấn.

2.Ông Phạm Văn Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 923/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Phượng**, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: A9/36C ấp 1, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1990 ;

Địa chỉ: D20/28L ấp 4A, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 13 tháng 7 năm 2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Ptrình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Pvà ông Lê Văn T tự nguyện kết hôn, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2013, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 01/2013 do UBND xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 07/5/2013. Thời gian đầu chung sống chung hạnh phúc và

có một con chung tên là Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 03/11/2014. Đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình và điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau, bà Pvà ông T sống ly thân từ tháng 11/2016 đến nay. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Pyêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có một người con chung tên là Lê Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 03/11/2014, bà Pyêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Châu, bà Pkhông yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Lê Văn T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc giải quyết vụ án vẫn còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1].Bà Nguyễn Thị Ngọc Pkhởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Lê Văn T. Ông Lê Văn T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2].Về sự vắng mặt của bị đơn ông Lê Văn T, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định

đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Lê Văn T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 01/2013 do UBND xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 07/5/2013, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Pvà ông Lê Văn T là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ngọc Pxác nhận là đời sống chung giữa bà và ông T có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp, cả hai đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay và không ai còn quan tâm chăm sóc, liên hệ với nhau từ lâu.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung "Trong quá trình sinh sống tại nhà A9/35C, ấp 1, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Pvà ông Lê Văn T có xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống". Qua đó thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Pvà ông Lê Văn T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Nguyễn Thị Ngọc Pyêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc P.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Pvà ông Lê Văn T có 01 con chung là trẻ Lê Ngọc Bảo Châu, sinh ngày 03/11/2014. Bà Pyêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Bảo Châu. Xét bà Plà người trực tiếp nuôi trẻ Bảo Châu từ nhỏ cho đến nay. Để ổn định sự phát triển của trẻ cũng như điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao trẻ Bảo Châu cho bà Ptrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc Pkhông yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ptrình bày bà và ông Lê Văn T không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng ông Lê Văn T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung theo chứng cứ và yêu cầu của bà Phượng, T hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[2.5] Ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng ông vẫn vắng mặt. Vì vậy, ông T đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Ngọc Pphải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Pđối với ông Lê Văn T.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Pđược ly hôn với ông Lê Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Pvà ông Lê Văn T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 83, quyển số 01/2013 do UBND xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 07/5/2013 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Lê Ngọc Bảo Châu, sinh ngày 03/11/2014 cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ptrực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lê Văn T.

Ông Lê Văn T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Pxác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

T hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì yêu cầu

giải quyết bằng một vụ án khác.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc Pchịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005524 ngày 13/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Pđã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM
- VKSND huyện Bình Chánh;
- THADS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Cơ quan nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Ngọc Chiến